

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 13/05/2020

Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bình và ông Ngô Gia Khánh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 05 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2020/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn T – sinh năm 1974; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm A, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị H – sinh năm 1975; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Xóm A, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Hiện tạm trú tại: Xóm 10, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Anh Tường có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt lần 2 không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và nguyên đơn là anh Vũ Văn T trình bày: Anh và chị H kết hôn hợp pháp với nhau năm 1997, sau thời gian chung sống hạnh phúc thì anh và chị mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Năm 2007 anh đã làm đơn ly hôn chị H và được Tòa án nhân dân huyện K giải quyết cho hai người ly hôn. Nhưng đến năm 2008 được sự động viên của hai bên gia đình anh và chị H lại về chung sống với nhau và làm thủ tục đăng ký kết hôn lại vào ngày 20 tháng 08 năm 2008 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn lại vợ chồng anh chị về chung sống cùng nhau tại xóm A, xã T và vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì lại phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng lại thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn ngày càng nặng nề hơn và chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị H ở xã Q để sinh sống. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung cháu Vũ Hồng S sinh năm 1998 và cháu Vũ Thị Thanh T1 sinh ngày 08 tháng 08 năm 2003. Hiện các cháu đang ở cùng với chị H nay ly hôn cháu Vũ Hồng S, đã trưởng thành tự lập được cuộc sống không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, đối với cháu T1 do đang ở cùng với chị H nên anh đề nghị Tòa án giao cháu Vũ Thị Thanh T1 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Do anh điều kiện kinh tế rất khó khăn không có khả năng cấp dưỡng nên anh đề nghị không cấp dưỡng đối với cháu T1.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị H đã tự thỏa thuận phân chia sản chung và công nợ nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là chị Đỗ Thị H hiện đang cư trú tại nhà bố đẻ chị H ông Đỗ Văn H1 tại xóm 10, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho chị H và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị H thông qua bố đẻ chị H là ông Đỗ Văn H1. Chị H đã biết việc anh T khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên ông H1 cung cấp cho Tòa án do điều kiện công việc của chị H rất bận không thể nghỉ giờ hành chính được nên chị Hường không thể có mặt tại Tòa án để làm việc và tham gia giải quyết vụ án. Ông còn cho biết thêm anh T và chị H cũng có thời gian sống ly thân nhau ba năm nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa và khả năng anh chị về đoàn tụ là rất khó. Do vậy Ông đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết vắng mặt chị H.

Tại bản tự khai của cháu Vũ Thị Thanh T1 thì nguyện vọng các cháu muốn ở với mẹ là chị Đỗ Thị H để ổn định việc học tập cũng như sinh hoạt của cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân

sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn .

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn T ly hôn chị Đỗ Thị H.

- Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Thanh T1. Anh T không phải cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Anh Vũ Văn T nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Văn T có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Đỗ Thị H có nơi cư trú tại: Xóm 10, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn là anh Vũ Văn T, Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là chị Đỗ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn T và chị Đỗ Thị H có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 08 năm 2008 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Văn T và chị Đỗ Thị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sinh sống tại xóm A, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm và, anh chị đã sống ly thân nhau 3 năm nay và không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị H để ổn định cuộc sống, còn chị H mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng chị H không có bản tự khai, có ý định bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Điều đó cũng thể hiện việc chị H không có thiện trí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T thể hiện: Anh T và chị H kết hôn hợp pháp năm 2008 tại, quá trình chung sống tại địa phương anh chị có phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp và bản thân anh T thường xuyên rệu rã nên vợ chồng cãi chửi nhau. Năm 2017 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Q ở và anh chị không về sống chung cùng nhau nữa. Nay anh xin ly hôn Tòa án căn cứ vào các quy định để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung của anh T và chị H đã có thời gian sống ly thân nhau ba năm nay, không có biện pháp nào khắc phục, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức mức trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Anh T và chị H có hai con chung cháu Vũ Hồng S sinh năm 1998 và cháu Vũ Thị Thanh T1 sinh ngày 08 tháng 08 năm 2003. Hiện cháu S đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống nên không đặt ra xem xét. Đối với cháu T1 thời gian vợ chồng sống ly thân cháu T1 do một mình chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, căn cứ vào tình hình thực tế thì việc chị H nuôi dưỡng cháu T1 thời gian qua đã đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu đồng thời qua tham khảo nguyện vọng của cháu T1 khi anh T và chị H ly hôn cháu muốn ở với chị H. Xét điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn anh T có nguyện vọng để cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu T1. Nay để không làm ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt của con nên giao cháu Vũ Thị Thanh T1 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung. Do anh T xác định mình không có điều kiện cấp dưỡng đối với con. Đồng thời chị H không có ý kiến về vấn đề này nên không buộc anh T phải cấp dưỡng đối với cháu T1 là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của hai bên đương sự.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T và chị H tự thỏa thuận phân chia sản chung và công nợ chung. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Vũ Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn T và chị Đỗ Thị H được ly hôn

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Thanh T1 sinh ngày 08 tháng 08 năm 2003 cho chị Đỗ Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành tự lập được cuộc sống. Anh Vũ Văn T không phải cấp dưỡng đối với cháu T1 và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Anh Vũ Văn T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002285 ngày 17 tháng 2 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã T, huyện K
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Khanh